|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO 02**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh.*

1. **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh**

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 3 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm g như sau:

“g) Buộc cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, trung thực;”.

b) Bổ sung điểm m ngay sau điểm l như sau:

“m) Buộc thực hiện đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với doanh nghiệp vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tổng doanh thu của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và khoản 2 của Điều này được xác định bằng 0 (không);

b) Các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này không trên cùng thị trường liên quan; không kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định và không có ngành, nghề kinh doanh là đầu vào của nhau hoặc bổ trợ cho nhau.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trong trường hợp các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định hoặc ngành, nghề kinh doanh của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế là đầu vào của nhau hoặc bổ trợ cho nhau hoặc các doanh nghiệp tham gia thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm là các doanh nghiệp kinh doanh ở các công đoạn khác nhau trong cùng một chuỗi sản xuất, phân phối, cung ứng đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định, thì tổng doanh thu trên thị trường liên quan quy định tại các khoản 1 và khoản 2 của Điều này được xác định là tổng doanh thu của tất cả các thị trường liên quan đến hành vi vi phạm”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó.

Nếu có 01 tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt cụ thể được xác định trong khoảng từ trên mức tối thiểu đến dưới mức trung bình của khung tiền phạt, nhưng không thấp hơn mức trung bình của mức tối thiểu và mức trung bình của khung hình phạt. Trường hợp có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trở lên thì áp dụng mức tối thiểu của khung tiền phạt.

Nếu có 01 tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt cụ thể được xác định trong khoảng từ trên mức trung bình đến dưới mức tối đa của khung tiền phạt, nhưng không cao hơn mức trung bình của mức tối đa và mức trung bình của khung hình phạt. Trong trường hợp có từ 02 tình tiết tăng nặng trở lên, thì áp dụng mức tối đa của khung tiền phạt.

Nếu vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, thì giảm trừ một tình tiết tăng nặng với một tình tiết giảm nhẹ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“**Điều 14. Hành vi không thông báo tập trung kinh tế**

Phạt tiền đối với từng doanh nghiệp vi phạm khi thực hiện hành vi không thông báo tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh như sau:

1. Phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp vi phạm có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra, doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam đạt từ 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.

2. Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp vi phạm có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra, doanh số mua vào trên thị tường Việt Nam đạt dưới 3.000 tỷ đồng trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 2.000.000.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng đối vớitừng doanh nghiệp vi phạm có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra, doanh số mua vào trên thị trường Việt Nam đạt từ 3.000 tỷ đồng trở lên trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế hoặc phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với từng doanh nghiệp vi phạm có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam hoặc tổng doanh thu bán ra, doanh số mua vào trên thị tường Việt Nam đạt dưới 3.000 tỷ đồng trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện tập trung kinh tế, nhưng không vượt quá 05% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Thực hiện tập trung kinh tế khi chưa có thông báo kết quả thẩm định sơ bộ của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Cạnh tranh;

b) Thực hiện việc tập trung kinh tế khi Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia chưa ra quyết định quy định tại Điều 41 của Luật Cạnh tranh trong trường hợp hành vi tập trung kinh tế phải thẩm định chính thức.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 01% đến 03% tổng doanh thu trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm của doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.”.

c) Bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 vào sau khoản 2 như sau:

“3. Doanh nghiệp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này còn có thể bị buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

Buộc thực hiện đầy đủ điều kiện được thể hiện trong quyết định về tập trung kinh tế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.

4. Phạt tiền từ 01% đến 05% tổng doanh thu trên thị trường liên quan của doanh nghiệp vi phạm trong năm tài chính liền kề trước năm thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi thực hiện tập trung kinh tế trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 41 Luật Cạnh tranh.

5. Doanh nghiệp vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này còn có thể bị buộc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng được quy định tại khoản 2 Điều 10; khoản 2, khoản 3 Điều 11; khoản 2 Điều 12 hoặc khoản 2, khoản 3 Điều 13 của Nghị định này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc cạnh tranh, các bên tham gia tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm về hành vi cung cấp không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với bên bị điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc cạnh tranh, các bên tham gia tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế, các bên nộp hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm về một trong các hành vi sau đây:

a) Không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu gian dối, không trung thực hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu;

c) Cưỡng ép người khác cung cấp thông tin, tài liệu gian dối, không trung thực hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu;

d) Che giấu, tiêu hủy các thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc cạnh tranh.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, trung thực.”.

d) Bổ sung khoản 5 vào ngay sau khoản 4 như sau:

“5. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia quyết định bãi bỏ thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ thông báo tập trung kinh tế; thông báo kết quả thẩm định sơ bộ việc tập trung kinh tế hoặc quyết định về việc tập trung kinh tế nếu phát hiện một hoặc các bên nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế cung cấp thông tin, tài liệu gian dối, không trung thực hoặc làm sai lệch thông tin, tài liệu.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định này;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, đ, e và m khoản 3 Điều 3 Nghị định này;”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, h, i và k khoản 3 Điều 3 Nghị định này.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 28 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung đoạn mở đầu của khoản 3 như sau:

“3. Đối với hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia và Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh có quyền:”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

“b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức;”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định này;”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, điểm g và điểm l khoản 3 Điều 3 Nghị định này;”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 29 như sau:

“3. Trình tự, thủ tục áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính trong xử lý hành vi vi phạm hành chính về cạnh tranh áp dụng theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trong trường hợp pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có quy định khác nhau về cùng một nội dung thì ưu tiên áp dụng pháp luật cạnh tranh. Trong trường hợp pháp luật cạnh tranh chưa có quy định về một nội dung cụ thể thì áp dụng quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này, thanh tra viên, Thủ trưởng cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh, Điều tra viên vụ việc cạnh tranh, Thư ký phiên điều trần, người được giao thực hiện nhiệm vụ thẩm định sơ bộ, thẩm định chính thức vụ việc tập trung kinh tế, người được giao thực hiện nhiệm vụ xem xét hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm phải tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính.”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 33 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản của bên phải thi hành có trách nhiệm tổ chức thực hiện phần quyết định liên quan đến tài sản của quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh theo yêu cầu của bên được thi hành quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, bao gồm cả số tiền lãi do chậm nộp phạt theo quy định.”.

b) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 như sau:

“5. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thu tiền phạt và căn cứ vào quyết định xử phạt, số ngày chậm nộp phạt để tính và thu tiền chậm nộp phạt khi cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt vi phạm hành chính về cạnh tranh.”.

1. **Bãi bỏ một số khoản, điểm thuộc điều của Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh**

Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 4 Điều 17;điểm b khoản 4 Điều 18;điểm a và điểm c khoản 4 Điều 19;điểm a và điểm c khoản 3 Điều 20;khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 27;khoản 1 và khoản 2 Điều 28.

1. **Điều khoản thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...

**Điều 4.** **Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;   * + Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;   + Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;   + HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;   + Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;   + Văn phòng Tổng Bí thư;   + Văn phòng Chủ tịch nước;   + Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;   + Văn phòng Quốc hội;   + Tòa án nhân dân tối cao;   + Viện kiểm sát nhân dân tối cao;   + Kiểm toán nhà nước;   + Ngân hàng Chính sách xã hội;   + Ngân hàng Phát triển Việt Nam;   + Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;   + Cơ quan trung ương của các đoàn thể;   + VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;   + Lưu: VT, CT (2b).PC | **T/M. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |